TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK TÔ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/HS-ST
Ngày 11/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK TÔ - TỈNH KON TUM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nyễn Bá Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông A Bông và bà Y Bé.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lại Thị Khánh - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum tham gia phiên toà: Bà Nyễn Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 11/8/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 23/2017/HS-ST ngày 28/7/2017, đối với bị cáo:

A P, tên gọi khác: A N, sinh năm 1994 tại huyện Đăk Tô; trú tại: Thôn Tê Rông, xã Văn Lem, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Xê Đăng; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông A H (đã chết) và bà Y P; tiền sự: Không;

Tiền án:

Bản án số 05/2015/HSST ngày 13/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô, xử phạt bị cáo 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng, về tội "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Bản án số 17/2015/HSST ngày 11/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô, xử phạt bị cáo 17 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp với 07 tháng tù tại Bản án số 05/2015/HSST ngày 13/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 24 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 27/10/2016.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2017; có mặt.

- Người bị hại:

1/ A Na, sinh năm 2000;

Người đại diện hợp pháp của A Na: Bà Y T, là mẹ;

Cùng địa chỉ: Thôn Đăk Rò, xã Đăk Trăm, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

2/ Y U, sinh năm 1957;

3/ Y L, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Thôn Tê Rông, xã Văn Lem, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/ Đào Thị S; trú tại 673 Hùng Vương, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon tum. Vắng mặt.

2/ A C, sinh năm 1986; trú tại: Thôn 2, xã Tân Cảnh, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum truy tố với hành vi phạm tội như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 17 giờ ngày 27/11/2016, bị cáo vào nhà bà Y U để trộm cắp. Sau khi lục tìm tài sản, bị cáo đã lấy trộm số tiền của bà Y U là 7.000.000 đồng và Y L (con gái bà Y U) là 6.400.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 2 giờ ngày 15/3/2017, sau khi nhậu xong, bị cáo A P đến nhà A Dô, trên đường đi thì bị cáo phát hiện nhà A Na có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu Sirius, biển số 20M1 3033, dựng bên hông nhà. Bị cáo vào ru dây điện ổ khóa đấu lại và nổ máy xe đi về nhà cất dấu làm phương tiện đi lại.

Tại Kết luận định giá tài sản số 11/KL-ĐGTS ngày 10/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Đăk Tô, kết luận giá trị chiếc xe mô tô là 8.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 22/KSĐT-TA ngày 25/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Tô, truy tố bị cáo A P về tội "Trộm cắp tài sản", theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo A P từ 36 đến 42 tháng tù.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY

Trong khoảng thời gian 17 giờ ngày 27/11/2016 và 2 giờ ngày 15/3/2017, bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó: Trộm cắp của bà Y U là 7.000.000 đồng và chị Y L (con gái bà Y U) là 6.400.000 đồng; trộm cắp của anh A Na một chiếc xe mô tô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu Sirius biển số 20M1 3033, trị giá 8.000.000 đồng. Hành vi đó của bị cáo A P đã phạm tội "Trộm cắp tài sản". Trước đó, bị cáo đã hai lần bị kết án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc

trường hợp "Tái phạm Ny hiểm", là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có hai lần phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội nhiều lần", quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của người khác; làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo đã có hai tiền án về tội "Trộm cắp tài sản", đã được cải tạo, giáo dục nhưng không chịu ăn năn hối cải, lao động chân chính mà ngay sau khi ra tù đã tiếp tục trộm cắp. Vì vậy, cần phải xử phạt mức án nghiêm minh để cải tạo, giáo dục bị cáo.

Song cũng xét thấy, bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Chiếc xe mô tô là của A Na mua của chị Đào Thị S nhưng nhờ A C đứng tên. Hiện nay các bên chưa sang tên. Anh A Na đã nhận lại tài sản. Nếu có yêu cầu bồi thường thì giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

Bà Y U yêu cầu bị cáo bồi thường 7.000.000 đồng và chị Y L yêu cầu bị cáo bồi thường 6.400.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự 5 % đối với số tiền phải bồi thường 13.400.000 đồng cho bà Y U và chị Y L, số tiền án phí dân sự là 670.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo A P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo A P 03 (ba) **năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 05/4/2017.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự và các Điều 357; 584; 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo A P phải bồi thường cho bà Y U 7.000.000 (bảy triệu) đồng; bồi thường cho chị Y L 6.400.000 (sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng .

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo A P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 670.000 đồng án phí dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Đối với người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự Nyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Tô;
- Công an huyện Đăk Tô;
- Chi cục THA dân sự huyện Đăk Tô;
- THA hình sự huyện Đăk Tô;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu bản án; hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nyễn Bá Bình